

Bản án số: 117/2022/HS-ST  
Ngày 19 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Đình Bản, bà Nguyễn Thị Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Lê Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2022 và ngày 19/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2022/TLST - HS ngày 18 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 16/6/2022 đối với bị cáo:

**Bùi Thị V** (tên gọi khác V1), sinh năm 1985 tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn V, xã B, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; trình độ văn hoá: Lớp 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Bùi Văn Hân và bà Bùi Thị Sơn, chồng Lê Thanh T (Đã ly hôn), có 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Tại bản án số 34/HSST/2012 ngày 15/5/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán người, theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; bồi thường dân sự cho người bị hại 7.000.000 đồng đã bồi thường xong ngày 22/10/2015, chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự ngày 21/8/2012. Ngày 31/8/2015 Bùi Thị V được đặc xá tha tù trước thời hạn.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 cho đến nay, có mặt.

**- Người bị hại:** Chị Lò Thị X, sinh năm 19xx, địa chỉ: Bản K, xã C, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Bùi Văn V, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị V quen biết Vũ Thị B, nơi cư trú: Thôn Thượng Lâm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tháng 6/2011 B đặt vấn đề với V tìm phụ nữ giao cho B, B sẽ trả công cho V. Sau đó V gọi điện thoại cho bố đẻ là Bùi Văn Hân đang làm thợ xây tại xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bảo với H là biết người phụ nữ nào muốn đi làm thì giới thiệu để V dẫn đi tìm việc làm, khi đó Hân có quen biết Lò Thị X đang làm phụ xây cùng H nên Hân giới thiệu X cho V. Ngày 09/7/2011 Hân bảo X đi xe khách xuống đến cầu Cao Phong, Hòa Bình thì gọi điện thoại cho Bùi Văn Hiền, nơi cư trú: Xóm Nam Thái, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình sẽ ra đón X vào nhà. Khi X xuống đến nơi Hiền ra đón X vào ngủ lại nhà H1. Đến trưa ngày 10/7/2011 H đi xe máy đến đón X sang nhà H và gặp V, V tự giới thiệu tên là H2 và bảo X đi xuống Hà Nội bán hàng. Sau đó V và X đi xe khách đến bến xe Mỹ Đình, Hà Nội. V gọi điện thoại cho B và được B hướng dẫn V đưa X đi lên Lạng Sơn bóc hàng thuê, đồng thời dặn V khi nào đi qua Bắc Giang thì đón B. Khi xe khách đi đến ngã tư Vôi thuộc tỉnh Bắc Giang thì B cùng một người đàn ông tên Thắng (*Không rõ nhân thân lai lịch*) lên xe đi cùng X và V. Khi đến tỉnh Lạng Sơn, 4 người xuống xe tại ngã tư Mỹ Sơn rồi vào nhà nghỉ thuê 01 phòng để cất đồ. Khi về đến phòng B nói có người dẫn đường sang Trung Quốc bóc hàng và bảo tất cả đi theo B. B cùng mọi người đi bộ một lúc thì Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Chi Ma, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến dẫn vào nhà người phụ nữ tên M (*không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ*) nghỉ qua đêm. Sáng hôm sau Mai đưa X đi, còn những người khác đi bộ về Việt Nam. Trên đường đi B đưa cho V số tiền công 3.000.000 đồng.

Lò Thị X khai nhận: Sau khi sang Trung Quốc, X bị nhốt tại đây khoảng 15 ngày thì được đưa đến 01 ngôi nhà khác và bị ép làm gái mại dâm. Do X không đồng ý tiếp khách nên thường xuyên bị đánh đập và tiêm thuốc làm cho mất trí nhớ về bản thân, khoảng 20 ngày sau X được một phụ nữ người Trung Quốc giúp đỡ bỏ trốn đến huyện Du An, Thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Lò Thị X đi làm phụ xây rồi làm quen và chung sống với Lô Văn L, sinh năm 1988. Trong thời gian chung sống Lô Văn L đã đưa X đi chữa trị tại nhiều bệnh viện tại Trung Quốc nên trí nhớ về bản thân dần hồi phục. Năm 2020 thông qua mạng xã hội X đã liên hệ được với gia đình tại Việt Nam. Tháng 5/2020 X bị Công an Trung Quốc bắt trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn. Tháng 6/2021 chị Lò Thị X đã làm đơn tố giác hành vi của Bùi Thị V đến cơ quan chức năng.

Ngày 13/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu ra quyết định trưng cầu giám định tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lò Thị X. Tại kết luận giám định số 62 ngày 04/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là không sếp loại.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố: Bùi Thị V về tội: Mua bán người, theo khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 1 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị V về tội: Mua bán người.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị V 30 tháng đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận gia đình bị cáo Bùi Thị V đã bồi thường tổn thất về thể chất và tinh thần cho người bị hại Lò Thị X số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), Lò Thị X đã nhận đủ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Chấp nhận anh Bùi Văn V và chị Phạm Thị T không yêu cầu bị cáo Bùi Thị V phải hoàn trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), do chị Tuyết, anh Viên đã bồi thường cho người bị hại Lò Thị X.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000đ của bị cáo Bùi Thị V được đựng trong phong bì còn nguyên niêm phong.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát luận tội và phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án:

Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán người” theo khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người bị hại trình bày: Nhất trí về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo Bùi Thị V bồi thường gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo*: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng đã nêu, đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/7/2011 Bùi Thị V đã có hành vi lừa gạt Lò Thị X đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn sau đó bán cho một đối tượng không rõ địa chỉ để hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng. Căn cứ điểm i khoản 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố Bùi Thị V về tội “Mua bán người” theo khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo*: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã có 01 tiền án về tội mua bán người; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo tích cực tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 50.000.000 đồng, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng: Bị cáo không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. *Về bồi thường dân sự*:

Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về thể chất và tinh thần 50.000.000 đồng, chị Phạm Thị T, anh Bùi Văn V (em trai bị cáo) đã bồi thường thay cho bị cáo, bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền chị Phạm Thị T, anh Bùi Văn V đã bồi thường cho người bị hại X, chị Phạm Thị Tuyết, anh Bùi Văn Viên không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường.

Xét việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận do phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Dân sự.

[6]. *Về vật chứng*: Đối với số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, xét đây là tiền bị cáo được hưởng lợi trong việc phạm tội mà có, do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7]. *Về các vấn đề khác*:

Đối với Bùi Văn H; Bùi Thị H1; Bùi Thị H2 qua điều tra xác minh, xác định những người này đều vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 10/2021, chính quyền địa phương không xác định được H, H1, H2 ở đâu. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định Hân, Huệ, Hiện liên quan đến hành vi mua bán người của Bùi Thị V nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

Đối với đối tượng tên Bùi Văn H2 quá trình điều tra xác định có tên là Bùi Đức H, sinh năm 1971, nơi cư trú: Xóm Nam Thái, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình, tuy nhiên Bùi Đức H đã chết năm 2015, do đó không điều tra làm rõ được hành vi liên quan.

Đối với Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị P quá trình xác định T, P đã bỏ nhà đi từ lâu không xác định được hiện nay ở đâu. Cơ quan điều tra không chứng minh được T, P liên quan đến hành vi phạm tội của V, do đó không đề cập đến biện pháp xử lý.

Vũ Thị B khai nhận trong thời gian từ tháng 4/2011 đến năm 2014 Vũ Thị B đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương và không quen biết gặp ai tên Bùi Thị V. Vũ Thị B không biết và không liên quan gì đến hành vi mua bán người của Bùi Thị V. Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho Bùi Thị V và Lò Thị X nhận dạng người qua ảnh đối với Vũ Thị B. Tuy nhiên Bùi Thị V và Lò Thị X không xác định được Vũ Thị B. Do đó không xác định được Vũ Thị B liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Thị V nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày, do đó Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam sau phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị V (tên gọi khác Vân) phạm tội “Mua bán người”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị V (tên gọi khác V1) 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2021.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận gia đình bị cáo Bùi Thị V đã bồi thường tổn thất về thể chất và tinh thần cho gia đình người bị hại Lò Thị X số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bị hại đã nhận đủ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ghi nhận chị Phạm Thị T, anh Bùi Văn V không yêu cầu bị cáo Bùi Thị V phải hoàn trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà anh chị đã bồi thường cho người bị hại Lò Thị X.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) được đựng trong phong bì còn nguyên niêm phong thu giữ của Bùi Thị V.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/7/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- Sở tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THA huyện Mộc Châu;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Ngọc Hà**